BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 3670 /QĐ-ĐHNL-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012; Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học";

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành "Quy chế đào tạo trình độ đại học";

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc "Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học";

Căn cứ Quyết định số 2500/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 18/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành "Quy chế học vụ áp dụng cho bậc Đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 08/04/2022 của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Tập huấn rà soát, cập nhật chương trình đào tạo đại học năm 2022";

Xét đề nghị của các Ông (Bà) Trưởng Khoa, Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ cho các ngành, chuyên ngành của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

(Danh sách chương trình đào tạo đính kèm)

Điều 2: Chương trình đào tạo áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022 và các quy định đã ban hành trước đây trái với quyết định này không còn hiệu lực.

Điều 3: Ban Giám hiệu, các Ông (Bà) Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: HC, ĐT.

Q. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng

DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3670/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã ngành	Ngành	Chương trình đào tạo	TT CTĐT
1	7140215	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp (SP)	1
2	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh (AV)	2
3	7310101	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp (KT)	3
			Kinh tế tài nguyên môi trường (KM)	4
4	7340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp (QT)	5
			Quản trị kinh doanh thương mại (TM)	6
			Quản trị tài chính (TC)	7
			Quản trị kinh doanh (Chất lượng cao)	8
5	7340301	Kế toán	Kế toán (KE)	9
6	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	Kinh doanh nông nghiệp (KN)	10
7	7620116	Phát triển nông thôn	Phát triển nông thôn (PT)	11
8	7420201	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học (SH)	12
			Công nghệ sinh học môi trường (SM)	13
			Công nghệ sinh học (Chất lượng cao)	14
9	7480201	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin (DT)	15
10	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cơ khí chế biến bảo quản NS thực phẩm (CC)	16
			Cơ khí nông lâm (CK)	17
			Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chất lượng cao)	18
11	7510203	Công nghệ KT cơ điện tử	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử (CD)	19
12	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Công nghệ kỹ thuật ô tô (OT)	20
13	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (NL)	21
14	7519007	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo (RE)	22
15	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa (TD)	23
16	7440301	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường (ES)	24
17	7520320	Kỹ thuật môi trường	Kỹ thuật môi trường (MT)	25
18	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý môi trường (QM)	26
19	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Công nghệ kỹ thuật hóa sinh (HS)	27
			CNKT chuyển đổi sinh khối & tinh chế (HT)	28
			CNKT hóa thực phẩm và hệ thống dược (HD)	29
20	7540101	Công nghệ thực phẩm	Bảo quản chế biến nông sản thực phẩm (BQ)	30
			Bảo quản CB NSTP & dinh dưỡng người (DD)	31
			Bảo quản chế biến NS & vi sinh TP (VT)	32
			Công nghệ thực phẩm (Chất lượng cao)	33
			Công nghệ thực phẩm (Chương trình tiên tiến)	34

STT	Mã ngành	Ngành	Chương trình đào tạo	TT CTĐT
21	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	Công nghệ chế biến thủy sản (CT)	35
22	7620301	Nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng thủy sản (NT)	36
			Ngư y (Bệnh học thủy sản) (NY)	37
23	7620201	Lâm học	Lâm sinh (LN)	38
			Nông lâm kết hợp (NK)	39
24	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	Quản lý tài nguyên rừng (QR)	40
25	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	Chế biến lâm sản (CB)	41
			Công nghệ gỗ và giấy (GB)	42
			Thiết kế đồ gỗ nội thất (GN)	43
26	7620105	Chăn nuôi	Công nghệ sản xuất động vật (CN)	44
			Công nghệ sản xuất thức ăn chăn nuôi (TA)	45
27	7640101	Thú y	Bác sĩ thú y (TY)	46
			Dược thú y (DY)	47
			Thú y (Chương trình tiên tiến)	48
28	7620109	Nông học	Nông học (NH)	49
29	7620112	Bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật (BV)	50
30	7850103	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai (QL)	51
			Công nghệ địa chính (DC)	52
			Địa chính và quản lý đô thị (QD)	53
31	7480104	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin (HM)	54
32	7340116	Bất động sản	Bất động sản (TB)	55
33	7859002	Tài nguyên và du lịch sinh thái	Tài nguyên và du lịch sinh thái (DL)	56
34	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên (LH)	57
			Thiết kế cảnh quan (LA)	58
35	7620202	Lâm nghiệp đô thị	Lâm nghiệp đô thị (LD)	59
36	7140201	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non (MN)	60

Bao gồm: 36 ngành và 60 chương trình đào tạo (54 *CT đại trà, 02 CT tiên tiến, 04 CT chất lượng cao*).

Q. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

PGS. TS. Huỳnh Thanh Hùng